

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T1  
TỈNH T2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HS-ST

Ngày 27/6/2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ngọc Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Quảng.

Ông Trần Văn Hiều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1 tỉnh T2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2024/HSST ngày 17/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HS ngày 31/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 14/6/2024, đối với bị cáo:

**Phạm Thị Như Q**, sinh ngày 05/11/1998. Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn TNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ch1 (đã chết) và bà Lê Thị H; bị cáo có chồng là Chu Tuấn L và có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

Ông Đỗ Văn Ch, sinh năm 1942 và bà Chu Thị T, sinh năm 1942, đều trú tại thôn TNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2 (bà T có mặt, ông Ch vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Thanh Châu, sinh năm 1966, trú tại tổ dân phố Hùng Thắng, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 (ông Châu vắng mặt).

**- Người làm chứng:**

Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1967, trú tại tổ dân phố HT, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2; anh Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1994, trú tại thôn VH, xã LL, huyện K, tỉnh T2 (đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do thường xuyên sang nhà vợ chồng ông Đỗ Văn Ch, sinh năm 1942 và bà Chu Thị T, sinh năm 1942 chơi và biết vị trí ông Ch, bà T cất giấu tài sản nên Phạm Thị Như Q, sinh ngày 05/11/1998, điều trú tại thôn TNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông Ch, bà T lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 02/11/2023 đến ngày 16/12/2023, Phạm Thị Như Q đã 10 lần vào nhà ông Ch, bà T để trộm cắp tài sản với tổng trị giá là 74.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Khoảng 16 giờ, ngày 02/11/2023, Phạm Thị Như Q đi bộ sang nhà bà T, thấy cổng và cửa không khóa, ông Ch và T không có nhà, Q mở cửa đi vào trong nhà bà T. Biết bà T cất giấu tài sản trong tủ quần áo bằng gỗ đặt tại chân cầu thang, còn chùm chìa khóa tủ cất trong hộp sắt trong ngăn kéo ở kệ ti vi phòng khách. Q đi lại lấy chùm chìa khóa mở cửa chiếc tủ đặt dưới chân cầu thang thì phát hiện phía dưới tủ có 01 ngăn kéo có khóa, Q sử dụng chìa khóa mở được ngăn kéo tủ ra thấy bên trong ngăn kéo có 01 chiếc hộp nhựa. Q mở nắp hộp ra thấy bên trong có 01 tập tiền gồm các loại mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng, 500.000đồng và 02 hộp nhựa hình trái tim màu đỏ cam (loại hộp thường dùng để đựng vàng). Q rút 36 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng (được tổng số tiền là 18.000.000 đồng) trong tập tiền rồi đút vào túi quần đang mặc, số tiền còn lại Q để vào trong hộp nhựa, đóng ngăn kéo khóa tủ lại rồi cất chùm chìa khóa trong hộp sắt ở kệ ti vi, sau đó đi về nhà. Số tiền trộm cắp được Q đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 2: Khoảng 8 giờ, ngày 06/11/2023, Phạm Thị Như Q đi bộ sang nhà bà T, thấy cổng và cửa không khóa, ông Ch và T không có nhà, Q mở cửa đi vào trong phòng ngủ của ông Đỗ Văn Ch. Thấy chiếc tủ đựng quần áo bằng gỗ của ông Ch đặt ở góc phòng không khóa. Q mở tủ lục tìm thì thấy trong túi áo khoác màu đen treo trong tủ có 01 chiếc ví bằng vải, màu đen. Q mở ví thì thấy bên trong có 01 tập tiền loại mệnh giá 500.000 đồng; Q rút trong tập tiền 16 tờ loại mệnh giá 500.000 đồng (được tổng số tiền là 8.000.000 đồng), số tiền còn lại Q để trong ví rồi cất vào vị trí cũ, đóng cửa tủ lại rồi đi ra ngoài. Nhớ trong tủ quần áo ở chân cầu thang của bà T có 02 hộp nhựa màu đỏ cam (loại hộp thường dùng để đựng vàng) nên Q đi ra kệ ti vi lấy chùm chìa khóa, mở ngăn kéo tủ ra. Q mở nắp hộp nhựa lấy ra 01 hộp nhựa màu đỏ cam, mở ra thấy bên trong có 01 chiếc nhẫn vàng 9999, loại nhẫn tròn, trơn, trọng lượng 01 chỉ, trị giá 6.200.000 đồng; Q lấy chiếc nhẫn vàng này cất vào túi quần đang mặc, đóng ngăn kéo tủ khóa lại, cất chìa khóa ở vị trí cũ rồi đi về nhà. Sáng ngày 07/11/2023, Q mang chiếc nhẫn vàng đến cửa hàng vàng bạc NC địa chỉ tại số nhà x, tổ dân phố HT, thị trấn T1, huyện T1 bán lấy số tiền 5.600.000 đồng. Số tiền 8.000.000 đồng trộm cắp được và số tiền 5.600.000 đồng bán nhẫn vàng, Q đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 3: Khoảng 9 giờ 15 phút, ngày 08/11/2023, thấy ông Ch, bà T không có nhà, Q đi vào trong nhà mở cửa tủ quần áo của ông Ch lấy 12 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (được tổng số tiền là 6.000.000đồng) trong chiếc ví bằng vải màu đen. Số tiền còn lại Q để lại vị trí cũ rồi đi ra ngoài. Q lấy chùm chìa khóa tiếp tục mở ngăn kéo tủ quần áo của bà T đặt tại chân cầu thang lấy trộm 01 sợi dây chuyền bằng kim loại (loại hợp kim gồm đồng và kẽm, màu vàng) trị giá 50.000 đồng được đựng trong hộp nhựa màu đỏ cam sau đó khóa cửa tủ lại và cất chìa khóa ở vị trí cũ rồi đi về nhà. Q mang sợi dây chuyền trộm cắp được đến cửa hàng vàng bạc NC để bán. Sau khi

kiểm tra chủ cửa hàng là bà Hoàng Thị Th sinh năm 1967 trú tại tổ dân phố HT thị trấn T1 kiểm tra phát hiện không phải là dây chuyền vàng nên không mua. Q nhận lại sợi dây chuyền mang về nhà cất giấu tại ngăn kéo tủ quần áo trong phòng ngủ còn số tiền 6.000.000 đồng trộm cắp được, Q đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 4: Khoảng 14 giờ, ngày 12/11/2023, thấy ông Ch, bà T không có nhà, Q mở cửa đi vào trong phòng ngủ của ông Ch mở cửa tủ quần áo trộm cắp 09 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng (được tổng số tiền là 4.500.000 đồng) trong chiếc ví vải màu đen được để trong túi áo khoác màu đen của ông Ch, số tiền còn lại Q để lại vị trí cũ rồi đóng cửa tủ lại đi ra ngoài phòng khách. Q tiếp tục lấy chùm chìa khóa mở ngăn kéo tủ quần áo của bà T đặt tại chân cầu thang, mở chiếc hộp nhựa trộm cắp 01 chiếc nhẫn vàng 9999, loại nhẫn tròn, trơn, trọng lượng 01 chỉ trị giá 6.250.000 đồng đút vào túi quần đang mặc sau đó đóng ngăn kéo, khóa lại, để chìa khóa ở vị trí cũ đi về nhà. Sáng ngày 13/11/2023, Q mang chiếc nhẫn vàng đến cửa hàng vàng bạc NC bán lấy được số tiền 5.500.000 đồng. Tổng số tiền 10.000.000 đồng trộm cắp được Q đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 5: Khoảng 6 giờ 20 phút ngày 15/11/2023, phát hiện ông Ch, bà T không có nhà, Q mở cửa đi vào trong phòng ngủ của ông Ch, mở cửa tủ quần áo lấy trong chiếc ví vải màu đen được đựng trong túi áo khoác 12 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng (được tổng số tiền là 6.000.000 đồng). Số tiền còn lại Q đút vào trong ví để trong túi áo khoác màu đen, đóng cửa tủ lại rồi đi về nhà. Số tiền trộm cắp được Q đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 6: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 20/11/2023, phát hiện ông Ch, bà T không có nhà. Q mở cửa đi vào trong phòng ngủ của ông Ch mở cửa tủ quần áo lấy 11 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng (được tổng số tiền là 5.500.000 đồng) trong chiếc ví vải màu đen, số tiền còn lại trong ví Q để vào trong túi áo khoác rồi đóng cửa tủ lại đi về nhà. Số tiền trộm cắp được Q đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 7: Khoảng 16 giờ, ngày 27/11/2023, thấy ông Ch, bà T không có nhà Q tiếp tục mở cửa đi vào phòng ngủ của ông Ch, mở cửa tủ quần áo của ông Ch nhưng Q không tìm thấy chiếc ví vải màu đen. Đoán ông Ch đã phát hiện bị mất tiền và cất giấu chiếc ví ở vị trí khác. Q đi đến vị trí đầu giường ngủ của ông Ch, lục tìm thì phát hiện chiếc ví tiền được giấu trong chiếc gối ở đầu giường, Q mở ví lấy 12 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng (được tổng số tiền 6.000.000 đồng), số tiền còn lại trong ví Q để ở vị trí cũ rồi đi về nhà. Số tiền trộm cắp được Q đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 8: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 07/12/2023, thấy ông Ch, bà T không có nhà. Q mở cửa đi vào trong phòng ngủ của ông Ch lật chiếc gối ở đầu giường, trộm cắp 05 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng (được tổng số tiền 2.500.000 đồng) trong chiếc ví vải màu đen được cất giấu trong gối, số tiền còn lại trong ví Q để lại vị trí cũ rồi đi về nhà. Số tiền trộm cắp được Q đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 9: Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 13/12/2023, phát hiện ông Ch, bà T đi vắng, Q mở cửa đi vào trong phòng ngủ của ông Ch trộm cắp 04 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng (được tổng số tiền 2.000.000 đồng) trong chiếc ví vải màu đen cất giấu ở đầu giường, số tiền còn lại trong ví Q để lại vị trí cũ sau đó đi về nhà. Số tiền trộm cắp được Q đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 10: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 16/12/2023, thấy nhà ông Ch bà T không có ai ở nhà, Q mở cửa đi vào trong phòng ngủ của ông Ch trộm cắp 06 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng (được tổng số tiền là 3.000.000 đồng) trong chiếc ví vải màu đen cất giấu trong chiếc gối của ông Ch, số tiền còn lại trong ví Q để lại vị trí cũ rồi đi về nhà. Số tiền trộm cắp được, Q chưa sử dụng, sau khi bị phát hiện Q đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an.

Quá trình điều tra bị cáo Phạm Thị Như Q đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

- Bản Kết luận giám định số 103/KL-KTHS ngày 26/01/2024 của phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T2 kết luận: 06 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng cần giám định là tiền thật.

- Bản Kết luận giám định số 679/KL-KTHS ngày 02/02/2024 của Viện khoa học Hình sự Bộ công an kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu vàng được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có tổng khối lượng 6,27 gam là hợp kim của đồng, kẽm; hàm lượng trung bình: đồng 90,72%, kẽm 9,28%. Dây chuyền có màu vàng do được mạ vàng.

- Bản Kết luận định giá tài sản ngày 22/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1 xác định: 01 chiếc nhẫn vàng 9999, loại nhẫn tròn trơn, trọng lượng 01 chỉ tại thời điểm cần định giá ngày 06/11/2023 có giá trên thị trường là 6.200.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 9999, loại nhẫn tròn trơn, trọng lượng 01 chỉ tại thời điểm cần định giá ngày 12/11/2023 có giá trên thị trường là 6.250.000 đồng; 01 dây chuyền kim loại (hợp kim của đồng và kẽm), màu vàng, được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có tổng trọng lượng 6,27 gam tại thời điểm cần định giá ngày 08/11/2023 có giá trên thị trường là 50.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 55/CT-VKSTH ngày 15/5/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Phạm Thị Như Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Như Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Như Q từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Bị hại là bà Chu Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền còn lại bị cáo đã chiếm đoạt của ông Ch, bà T là 41.000.000 đồng và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Q đều khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/11/2023 đến ngày 16/12/2023, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của vợ chồng ông Đỗ Văn Ch và bà Chu Thị T, trú tại thôn TNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2. Phạm Thị Như Q đã 10 lần vào nhà ông Ch, bà T, mở cửa tủ quần áo của ông Ch, bà T để trộm cắp số tiền 61.500.000 đồng; 02 chiếc nhẫn vàng 9999, loại nhẫn tròn trơn, trọng lượng 02 chỉ trị giá 12.450.000 đồng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng (loại hợp kim của đồng và kẽm) trị giá 50.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Q trộm cắp là 74.000.000 đồng.

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của những người bị hại là bà Chu Thị T, sinh năm 1942 và ông Đỗ Văn Ch, sinh năm 1942, đều trú tại thôn TNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2; Sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 10/01/2024 tại thôn TNT, xã AN, huyện T1; Biên bản tạm giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập các ngày 10, 14, 19/01/2024; Bản Kết luận giám định số 103/KL-KTHS ngày 26/01/2024 của phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T2; Bản Kết luận giám định số 679/KL-KTHS ngày 02/02/2024 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an; Bản Kết luận định giá tài sản ngày 22/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1; Biên bản ghi lời khai của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Như vậy, từ ngày 02/11/2023 đến ngày 16/12/2023, Phạm Thị Như Q đã 10 lần vào nhà vợ chồng ông Đỗ Văn Ch và bà Chu Thị T để trộm cắp số tiền 61.500.000 đồng; 02 chiếc nhẫn vàng 9999, loại nhẫn tròn trơn, trọng lượng 02 chỉ trị giá 12.450.000 đồng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng (loại hợp kim của đồng và kẽm) trị giá 50.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Q trộm cắp là 74.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Thị Như Q đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Phạm Thị Như Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

***Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:***

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Phạm Thị Như Q đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Thị Như Q thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội 10 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trước khi phạm tội chưa từng vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới khung hình phạt.

[3.2] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo là người lao động tự do, con còn nhỏ, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra giữa bị cáo và ông Ch, bà T đã thỏa thuận bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, ngoài ra còn có số tiền 3.000.000 đồng là vật chứng cơ quan điều tra quản lý của bị cáo ngày 16/12/2023 đã chuyển sang cơ quan thi hành án, xác định đây là số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Ch, bà T, cần chuyển trả cho ông Ch, bà T. Tại phiên toà, bị hại là bà T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại bị cáo đã chiếm

đoạt của ông Ch, bà T là 41.000.000 đồng. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng và hợp pháp, cần chấp nhận.

**[5] Về xử lý vật chứng:**

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã quản lý 01 hộp nhựa màu trong suốt, trên nắp hộp có dán tem in dòng chữ (Kẹo Chew HAI HA, CÔNG TY BÁNH KẸO HẢI HÀ); 01 hộp kim loại màu vàng, trên hộp rải rác han gỉ kim loại màu nâu, trên nắp hộp in dòng chữ (Lipton YELLOW LABEL TEA); 01 dây chuyền kim loại (hộp kim của đồng và kẽm), màu vàng, được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có tổng trọng lượng 6,27 gam và số tiền 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định là tài sản của vợ chồng ông Đỗ Văn Ch và bà Chu Thị T nên cần trả lại cho ông Ch, bà T.

[6] Trong vụ án này có ông Nguyễn Thanh Ch1, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1967 đều trú tại tổ dân phố HT, thị trấn T1, huyện T1 (là chủ của hàng Vàng bạc NC nơi Q mang vàng đến bán). Tuy nhiên tài liệu điều tra xác định khi mua vàng ông Ch1, bà Th và nhân viên bán hàng của cửa hàng không biết 02 chỉ vàng Q mang đến bán là tài sản do Q trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Ch1, bà Th là có căn cứ.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Thị Như Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

**2. Xử phạt:**

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Như Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

**3. Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Đỗ Văn Ch, sinh năm 1942 và bà Chu Thị T, sinh năm 1942, đều trú tại thôn TNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2 số tiền 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng).

**4. Về xử lý vật chứng:**

Trả lại cho ông Đỗ Văn Ch, sinh năm 1942 và bà Chu Thị T, sinh năm 1942, đều trú tại thôn TNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2 01 hộp nhựa màu trong suốt, trên nắp hộp có dán tem in dòng chữ (Kẹo Chew HAI HA, CÔNG TY BÁNH KẸO HẢI HÀ); 01 hộp kim loại màu vàng, trên hộp rải rác han gỉ kim loại màu nâu, trên nắp hộp in dòng chữ (Lipton YELLOW LABEL TEA); 01 dây chuyền kim loại (hộp kim của đồng và kẽm), màu vàng, được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có tổng trọng lượng 6,27 gam và số tiền 3.000.000 đồng.

Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2.

### 5. Về án phí:

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Phạm Thị Như Q phải chịu 200.000 đồng án phí hành sự sơ thẩm và 2.050.000 đồng án phí dân sự trong hình sự; tổng số tiền án phí bị cáo phải nộp là 2.250.000 đồng.

### 6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại là bà Chu Thị T có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/6/2024; bị hại là ông Đỗ Văn Ch, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh Ch1 có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ./.

#### Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- CA huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đồng Ngọc Huyền**